TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Duy Tân**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 ngày 10 ngày 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Mỹ T**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh **Danh M**, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Danh M quen biết nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương và

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang vào ngày 23/4/2013. Sau khi kết hôn chị và anh M chung sống với nhau được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Chị và anh M sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Danh M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Danh M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh M được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T và anh M xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy hôn nhân của chị T và anh M là hợp pháp.

Theo chị T trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng chị T sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh M không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và anh M sống ly thân trong

thời gian dài, hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã thông báo cho anh M đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh M vắng mặt, bỏ qua cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M.

Từ đó cho thấy cuộc sống vợ chồng của chị T và anh M không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T và anh M ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con: Chị T và anh M không có con chung nên không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo lai thu số 0002970 ngày 02 ngày 8 ngày 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị Mỹ T và anh Danh M được ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và anh M không có con chung nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo lai thu số 0002970, ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/10/2019). Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã V.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh